

NGÔN NGỮ VÀ VĂN HOÁ

ĐẤU ÁN ĐỊA VĂN HÓA PHƯƠNG NAM QUA THƠ MỚI 1932-1945

LÊ VĂN PHƯƠNG*

TÓM TẮT: Phong trào Thơ mới của dân tộc được này mầm và phát triển rực rỡ tính đến nay đã ngót trăm năm nhưng giá trị của nó vẫn không thể phủ nhận. Để làm nên "một cuộc cách mạng trong thi ca" dân tộc, phải kể đến sự đóng góp rất đáng trân quý của những cây bút Thơ mới phương Nam với tư cách mở đường. Những năm gần đây, giới nghiên cứu đã và đang tìm kiếm, khám phá những giá trị của mảng thi ca này trên bình diện nội dung và hình thức biểu hiện. Tuy nhiên, dấu ấn địa văn hóa của vùng đất phương Nam trong Thơ mới Nam Bộ thì vẫn chưa được khám phá. Đằng sau lớp vỏ ngôn từ có phần "thô ráp", mộc mạc, người đọc sẽ cảm thấy được những nét đẹp của mảnh đất và con người nơi đây với những dấu ấn riêng, gắn liền với tâm thức, văn hóa đặc thù. Sẽ không sai khi khẳng định, những yếu tố địa văn hóa đã góp phần tạo nên giá trị của Thơ mới Nam Bộ 1932-1945.

TỪ KHOA: Thơ mới Nam Bộ; địa văn hóa; tâm thức; tình yêu; lãng mạn.

NHẬN BÀI: 30/3/2020.

BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG: 23/6/2020

1. Đặt vấn đề

Thời gian qua, Thơ mới Nam Bộ đã được tiếp cận dưới nhiều góc độ như nguồn cảm hứng, nội dung và hình thức biểu hiện... Bên cạnh đó, còn một góc nhìn khá thú vị về mảng thi ca đặc biệt này chính là dấu ấn địa văn hóa vẫn chưa được giới nghiên cứu quan tâm. Đặt Thơ mới Nam Bộ trong mối quan hệ giữa văn học và văn hóa, nghĩa là dùng những yếu tố của chính môi trường lịch sử, môi trường địa lí đã sinh ra nó để tìm hiểu và đánh giá nó, chúng ta mới thấy rõ đặc điểm tâm thức cộng đồng người khai phá, yếu tố địa văn hóa mang tính đặc thù của vùng đất mới phương Nam những thập kỉ đầu thế kỉ XX.

Từ nguồn tư liệu sách in và trên các tờ báo ở Nam Bộ đầu thế kỉ XX, chúng tôi đã thu thập được trên 100 bài Thơ mới ra đời ở Nam Bộ. Đây là nguồn dữ liệu quan trọng, làm cơ sở để tác giả bài viết bước đầu đi vào khảo sát sự phản ánh những dấu ấn địa văn hóa phương Nam trong Thơ mới từ ngày khởi hưởng sự đổi mới cho tới khi nó "đu lóm" để hòa nhập vào cuộc cách mạng trong thi ca dân tộc.

2. Đặc điểm của dấu ấn địa văn hóa phương Nam qua Thơ Mới 1932-1945

2.1. Văn hóa và văn học có mối quan hệ hữu cơ không tách rời, văn hóa chi phối đến mọi mặt đời sống văn học nhưng chính văn học cũng góp phần làm nên các giá trị văn hóa tinh thần. Nếu hiểu văn hóa "là một hệ thống hữu cơ các giá trị vật chất và tinh thần do con người tạo ra và tích lũy qua quá trình hoạt động thực tiễn trong sự tương tác giữa con người với môi trường tự nhiên và xã hội của mình" thì văn học là hoạt động lưu giữ những thành quả đó một cách sinh động nhất. Để đạt được những thành quả đó, văn hoá của một dân tộc cũng như của toàn thể nhân loại từng trải qua nhiều chặng đường tìm kiếm, chọn lựa, đấu tranh và sáng tạo để hình thành những giá trị trong xã hội. Văn học vừa thể hiện con đường tìm kiếm đó, vừa là nơi định hình những giá trị đã hình thành. Nói cách khác, văn học là văn hoá lên tiếng bằng ngôn từ nghệ thuật. Văn học có lúc được coi là tiếng nói của con người, có lúc được xác định là một hình thức ý thức, một công cụ nhận thức, phản ánh, miêu tả thực tại, là hình ảnh, bức tranh của cuộc sống, rồi có lúc văn học lại được định danh là một loại hình nghệ thuật đặc biệt dùng ngôn từ làm phương tiện biểu đạt, là nghệ thuật ngôn từ.... Do đó mà các tác phẩm, cũng như các công trình nghiên cứu văn chương, được thực hiện theo những khuynh hướng và những phương pháp khác nhau kéo theo ý nghĩa và giá trị cũng có nhiều mức độ. Sự khác biệt này do hàng loạt yếu tố khách quan và chủ quan quy định nhưng có thể nói một cách khái quát rằng do tác động của môi trường sống, của thời đại khác xa qua lăng kính của từng cá nhân người sáng tác hay nghiên cứu. Xác định mối quan hệ giữa văn hoá và văn học là một việc cần thiết để đánh giá được sự tác động, bổ sung lẫn nhau giữa hai lĩnh vực vốn có mối liên quan mật thiết.

2.2. Trước hết, chúng ta đi tìm nét về vùng đất Nam Bộ và tâm thức của con người nơi đây luôn khao khát hướng đến sự cách tân, đến cam thức tự do trong cuộc sống và sáng tạo nghệ thuật. Khảo cổ học đã chứng minh từ cách đây hàng chục vạn năm, trên vùng đất Nam Bộ đã có người cổ sinh sống,

* TS. Trường Đại học Cần Thơ. Email: vanphuongtanluoc@gmail.com

Bước sang hậu kì đá mới - sơ kì đồ đồng, cư dân vùng đất này đã tạo dựng nên một nền văn hoá phát triển dựa trên nền tảng nghề trồng lúa nước. Các di chỉ phát hiện dọc theo lưu vực sông Đồng Nai với diện biến khá liên tục từ di tích Cầu Sắt (tỉnh Đồng Nai) đến Bến Đò (Thành phố Hồ Chí Minh), Phước Tân (tỉnh Đồng Nai), Cù Lao Rùa (tỉnh Bình Dương), Đốc Chùa (tỉnh Bình Dương), Cần Giuộc (Thành phố Hồ Chí Minh)... Trên cơ sở phát triển kinh tế - xã hội cuối thời kì đồ đồng, sơ kì đồ sắt, dưới tác động văn minh Ấn Độ, khoảng đầu Công Nguyên, vùng đất Nam Bộ bước vào thời kì lập quốc. Căn cứ vào các ghi chép trong các thư tịch cổ Trung Quốc thì vào khoảng thời gian đó phía nam của Lâm Ấp (ChămPa), tương ứng với vùng đất Nam Bộ ngày nay, đã xuất hiện một quốc gia có tên gọi là Phù Nam². Trải qua bao năm tháng, tính đến thế kỉ thứ XVII, đất phương Nam vẫn rất hoang dã và còn đầy rẫy hiểm nguy từ những nhiên nhưng cũng đầy hứa hẹn với những cánh đồng phì nhiêu trù phú nếu nó được bàn tay con người vun xới, gieo trồng.

Tâm thức con người phương Nam luôn gắn liền với khát vọng khai mở năng lực, ý chí xông pha mạo hiểm hướng về chân trời của sự tự do mới mẻ không chỉ về hạ tầng kinh tế mà còn về thượng tầng văn hóa, văn học. Trong hình trình xuôi Nam, con người vùng đất mới luôn giữ bên mình những truyền thống của đất tổ quê cha, nhưng vẫn sẵn sàng hòa nhập vào không gian mới, môi trường sống mới để làm nên những giá trị vật chất và tinh thần mới nhất là khi có sự đụng độ, gãy đứt của hai nền văn hóa Đông - Tây.

Vào khoảng quá giữa thế kỉ XIX, với sự xâm lược của Pháp, kéo theo một luồng văn hóa phương Tây thổi vào vùng đất Nam Bộ đã dần làm thay đổi mọi lĩnh vực của đời sống, đặc biệt là đời sống tinh thần mà khởi thủy là hoạt động báo chí. Năm 1865, tờ *Gia Định báo* ra đời do Trương Vĩnh Ký phụ trách. *Gia Định báo* thực chất là một công báo (Journal officiel) của Pháp cho nên các vấn đề về văn chương, học thuật chỉ giữ vị trí "đứng kẻ" mà thôi. Tuy nhiên, xuất phát từ ý tưởng canh tân về lĩnh vực sinh hoạt văn chương học thuật cho người Việt Nam, Trương Vĩnh Ký đã có những đóng góp không nhỏ nhằm thúc đẩy phong trào hoạt động sáng tác văn chương, dịch thuật ở Nam Bộ. Sự ra đời của tờ báo này có tác dụng châm ngòi, khơi xướng cho hoạt động sáng tạo văn chương nói chung, cho thơ ca nói riêng ở Nam Bộ. Riêng mảng thơ ca, do còn chịu sự níu kéo của thi ca truyền thống nên đến đầu thập niên 30 của thế kỉ XX mới xuất hiện nhưng lại tạo nên một tiếng vang lớn, khởi thủy cho phong trào sáng tác thơ bằng chữ quốc ngữ theo lối mới.

Đề thức đẩy phong trào sáng tác thơ ca bằng chữ quốc ngữ phát triển, bên cạnh sự nỗ lực của những cây bút phương Nam, phải kể đến vai trò của một số cây bút đến làm việc ở Nam Bộ từ các vùng miền khác, góp phần khơi dậy phong trào Thơ mới như Phan Khôi, Lưu Trọng Lư, Văn Đài... Với sự đóng góp tích cực của họ, đã góp phần làm sôi động hơn cho sinh hoạt văn chương học thuật, dẫn đến sự xuất hiện một tầng lớp thi nhân mới ở Nam Bộ như Đồng Hồ, Mộng Tuyết, Huỳnh Văn Nghệ, Hồ Văn Hào, Khổng Dương...

Thơ mới Nam Bộ được định hình và phát triển phải tính từ thời điểm tờ báo *Phụ Nữ Tân Văn* xuất hiện. Khởi đầu là Phan Khôi với *Một lối thơ mới trình chánh giữa làng thơ* trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* số tháng 3 năm 1932 (Gần đây trên *Báo Điện tử Tổ quốc*, Lại Nguyên Ân đã công bố thông tin bài "*Một lối thơ trình chánh giữa làng thơ*" của Phan Khôi được đăng trên *Tập văn mùa xuân* của *Báo Đông Tây* năm 1932 - ngày mừng một tết, nhằm ngày 06.02.1932 dương lịch) làm rung chuyển tâm thức của những người yêu thơ. Phan Khôi đã lên tiếng về sự câu thúc của thơ cổ điển với bao nhiêu áp lực của những khuôn vàng thước ngọc tuy lộng lẫy, uy nghi nhưng cũng là một rào chắn khó chịu đối với nguồn cảm hứng và khả năng sáng tạo nghệ thuật của cá nhân. Phan Khôi đã ráo riết đặt ra yêu cầu cấp thiết là phải đổi mới, phải đem đến một diện mạo mới cho thi ca dân tộc. Kế đến là những bài viết của Lưu Trọng Lư bày tỏ thái độ ủng hộ Thơ mới một cách nhiệt thành bởi "*nó có thể giúp giải quyết tình cảnh bế tắc của thơ ca đương bơ vơ đi tìm người thi nhân của mình như con đi tìm mẹ*"... Bất chấp với tình thần ủng hộ Thơ mới, nữ sĩ Mạnh Mạnh (Nguyễn Thị Kiêm) - cánh én đầu mùa của làng Thơ mới Nam Bộ đã đem đến cho thi ca một bầu không khí nào nức, rộn ràng bằng những cuộc diễn thuyết đầy thuyết phục. Nữ sĩ khẳng định quan điểm của mình một cách mạnh mẽ, dứt khoát: "*thơ Đường luật là một lối thơ rất bó buộc về từng câu từng chữ, chặt chĩa về luật bình trắc, về phép đối, về câu chữ... Người làm thơ phải ở trong một phạm vi eo hẹp lưng chừng*" nên "*nuôn cho tình tứ không vì khuôn khổ mà bị "đẹt" mất thì phải*

có một lời thơ khác có lẽ luật rộng rãi hơn". Mạnh Mạnh còn đưa ra một vài đối chiếu với văn xuôi của thơ Tây làm tăng tính thuyết phục cho lời diễn thuyết của mình, kêu gọi sự ủng hộ sáng tạo thơ ca bằng chữ quốc ngữ theo lời mới. Tiếp theo Mạnh Mạnh, trên báo chí Nam Bộ còn xuất hiện nhiều bài viết ủng hộ phong trào Thơ mới như L.D, Thạch Lan, Hồ Văn Hào... và cả những bài viết bảo vệ phái thơ cũ, tạo nên một cuộc tranh luận gay gắt, thúc đẩy Thơ mới hoàn thiện và phát triển hơn. Có thể nói, sự xuất hiện của báo chí, đặc biệt là *Phụ nữ tân văn* đã khơi dậy, thúc đẩy hoạt động sáng tác, phê bình thơ ca bằng chữ quốc ngữ của những tác giả đương thời ở Nam Bộ. Nó như một cơn đứ chấn đứ đội cán quét vào thành trì của thơ cũ, thúc đẩy sự ra đời của phong trào Thơ mới đầu những năm 30 của thế kỉ XX ở vùng đất mới phương Nam - nơi đang diễn ra cuộc đụng độ, gãy đứt của hai luồng văn hóa và học Đông-Tây.

Với tinh thần "tiên khai khẩn, hậu khai cơ", tâm thức khai phá của con người phương Nam không chỉ có nghĩa là mở đất, mà còn là hướng về mục tiêu mở rộng thêm kho tàng thơ ca dân tộc, phá vỡ đò phong vị "hương xa" từ văn học phương Tây và nó không hề gây sự phản cảm hay đối chọi với thân thái và khí sắc Thơ mới Nam Bộ. Song hành với thể hiện quan điểm, những cây bút vùng đất mới phương Nam còn mở rộng tâm hồn mình, hướng về chân trời tự do, khát khao thể hiện cảm thức tự do trong sáng tạo thì ca nhằm thoát khỏi sự tẻ nhạt tầm thường của thực tại. Đó có thể là sự náo nức hướng về chân trời mới:

*Trời xanh xanh nước cũng xanh xanh
Bao la thế giới một vành
Nơi nào cũng bên để dành riêng ai?*

(*Sa đà*, Mạnh Mạnh)

Hoặc niềm khao khát được đắm mình trong mọi chiều kích của không gian bao la, bất tận:
*Có giòng suối tắm không chiều gió
Lá thà về xa cứ đùng im*

*Mây trắng chắt đầy con mộng đẹp
Tầng cao ai cần lạc đường chim*

(*Thơ bên giếng*, Đỗ Huy Nhiệm)

Trong thơ Huỳnh Văn Nghệ, vẻ đẹp của dòng sông không chỉ là vẻ đẹp của một sự vật, hiện tượng, mà là một thực thể sống động ngập tràn cảm xúc. Cho dù bao thác ghềnh trắc trở, những con sông miền đất mới luôn hùng vĩ chảy về đại dương mệnh mông như chờ nặng ý chú, khát vọng tự do của con người:

Dặm xa... vượt núi băng ngàn

Thế: "Đù trác trở núi đồi,

Gập La Ngà, nghĩa bạn vừng kết đôi.

Cũng liêu sông thác tìm trời tự do.

(*Sông Đổng Nai*)

Bằng tâm thế của con người yêu mến tự do, với khát vọng khai phá cái mới, những cây bút Nam Bộ đã sử dụng phương tiện chất liệu chữ quốc ngữ, đã tiếp nhận các trào lưu văn học lớn ở phương Tây như lãng mạn, hiện thực để mang lại màu sắc mới mẻ cho nền văn học Việt Nam bằng sự mở rộng các phương diện hoạt động văn học như dịch thuật, biên khảo, phê bình, và nhất là sáng tác thơ ca. Bằng thực tiễn sáng tác, những cây bút phương Nam đã thực hiện được sự mở rộng những giới hạn cảm hứng, văn điệu, để ra được quan niệm mới về ngôn ngữ, hình ảnh, đã xây dựng thành công một dung mạo mới mẻ cho thơ ca vùng miền của mình. Với những đóng góp ấy, họ đã thể hiện rõ năng lực tự biểu hiện, khẳng định mình, hội nhập vững vàng vào dòng chảy của Thơ mới Việt Nam.

2.3. Thơ mới Nam Bộ không chỉ thể hiện tâm thức của con người phương Nam hướng đến cái mới, đến chân trời tự do mà còn chờ nặng dấu ấn địa văn hóa phương Nam. Văn học là nghệ thuật ngôn từ, dùng hình tượng để thể hiện đời sống và xã hội con người. Văn học ở thời nào cũng phải đặt trong cấu trúc tổng thể của văn hoá, nhưng hướng tiếp cận văn học từ góc độ văn hoá hiện nay vẫn là vấn đề rất mới mẻ. Trước đây, văn học và văn hoá thường mang tính khu biệt rõ nét do người ta quan niệm văn học có đặc trưng loại biệt. Ngày nay, đặc trưng loại biệt không phải là không còn, nhưng cách tiếp cận văn học từ góc nhìn văn hoá dần khẳng định tính ưu việt của nó. Cách tiếp cận này đã xem văn học như một thành tố trong cấu trúc của tổng thể văn hoá, nó truyền tải, lưu giữ được những giá trị văn hoá. Nghiên cứu văn học từ góc nhìn văn hoá thực chất là khảo sát một hiện tượng văn học thông qua các mối quan hệ giữa nó với các hiện tượng, các giá trị tinh thần - thực thể có liên quan và có tác động tới nó như yếu tố địa lí, phong

tục sinh hoạt, tính cách, tâm tư tình cảm chịu sự tác động từ môi trường địa lý đó. Từ góc nhìn này, Thơ mới Nam Bộ luôn đóng dấu ấn địa văn hóa của vùng đất mới phương Nam.

Dấu ấn địa văn hóa để nhận biết nhất trong Thơ mới Nam Bộ là không gian nghệ thuật được hình thành từ không gian địa lý đặc thù của thiên nhiên - đồng bằng - sông nước, của rừng thẳm sông dài. Hệ thống hình ảnh trong Thơ mới Nam Bộ cho thấy con người phương Nam đã xây dựng một dòng thơ in đậm bản sắc địa lý đặc thù, với không gian thiên nhiên, không gian lao động, không gian sinh hoạt của vùng sông nước được đan xen khá hài hòa và nhuần nhuyễn.

Tiếp cận với Thơ mới Nam Bộ, người đọc cảm nhận khá rõ nét không gian rừng thẳm, sông dài cùng với cảnh sắc bốn mùa đậm đà phong vị miền Đông Nam Bộ. Rừng thẳm đồng hành trong từng chặng đường lịch sử của người Đông Nam Bộ và trở thành nguồn cảm hứng trong thơ Huỳnh Văn Nghệ (*Đồng Nai, Chiến khu, La Ngà, Chiến khu D, Năm mộ giữa rừng, Nhớ rừng, Lịch sử Đông Nai...*). Trong các bài thơ ấy, chúng ta có nhiều cách tiếp cận về rừng từ nhiều góc độ như cảnh quan thiên nhiên, rừng và cuộc kháng chiến, rừng thân thương bao bọc... và ẩn tượng nhai là không gian rừng thẳm đầy vẻ hoang sơ, đầy sức sống với âm thanh muôn loài, riu rít tiếng chim và vọng xa tiếng vượn:

"Rừng đẹp như một bài thơ cổ

Bờ suối đỏ hoa sim

Cành cao vượn hú

Thảm cỏ xanh điểm vàng quạ búa."

Riu rít tổ chim.

(Rừng đẹp)

Hoặc không gian thiên nhiên nóng rực như rang ở miền Đông Nam Bộ:

Gió bốc khói tuôn lên cuồng bụi trắng

Mồ hôi chảy vòng quanh đôi má nám

Xóm mờ xa khuất dạng sau rừng tre

Bà bán cau, bước mãi dưới trưa hè

(Bà bán cau)

Không gian đồng bằng sông Cửu Long trong Thơ mới cũng hiện lên thật đậm nét qua cảnh trời, sắc nước, ruộng vườn: *Sáng nay trời ửng bốn phương/ Máy hùng máy tím nung bình khoe tưới/ Gió đồng trong lá vang còi/ Cành tre chim hót, họa lời ai ẩn"* (Một buổi sáng - Hồ Văn Hào).

Dấu ấn địa văn hóa trong thơ trữ tình thiên nhiên trong Thơ mới Nam Bộ thể hiện sự rung cảm của người làm thơ khi nhận ra vẻ đẹp của thiên nhiên, biết giao hòa tình cảm với thiên nhiên, tự nối kết mình với môi trường không gian và cảnh sắc sinh hoạt chung quanh. Vì thế, cảnh bướm, ong, chim, lá của vườn quê Nam Bộ cũng chớ nặng tình người, in đậm trong thơ Hồ Văn Hào: *Ngây vẫn trong veo lá nõn nương/ Nhạc đời đang trời khúc yêu đương/ Em êm tổ ấm chim ca hót/ Ong phi cánh lè bướm ngập vườn (Giang hồ).*

Và đây đó còn hiện lên khung cảnh đường quê Nam Bộ thật riêng biệt qua bài thơ *Đường quê* của Huỳnh Hoa:

Trên đường đê vàng, lúa vàng bông

Cỏ muồn say sưa nghiêng xuống nước

Đôi hươc người đi, lẳng lẳng đồng

Nước mênh đềm đến ngập tràn sông.

Độc đáo hơn, Thơ mới Nam Bộ còn gắn liền cảm hứng trữ tình thiên nhiên trong những mối quan hệ với sinh hoạt gia đình, làng xóm, nhằm khắc tạc dấu ấn địa văn hóa phương Nam:

Bên cạnh chông trâu, cạnh ổ rơm

Khói xanh vẫn tỏa, đàn trâu ốm

Mục đồng thơ thới xối nổi cơm

Sưởi khói mồm nhơi, ngây mắt dờm.

(Đêm trăng thôn quê, Lâm Huyền Lan)

Hình ảnh sinh hoạt nông thôn trong Thơ mới Nam Bộ có khi hiện lên rất mới mẻ đặc sắc, đầy dấu ấn cảm thụ cá nhân và mang đậm yếu tố địa văn hóa. Đây sẽ là những hình ảnh mà Thơ mới Nam Bộ lưu giữ được về một thời của làng xóm phương Nam vào mùa thu hoạch: *"Đay có ba người đập lúa tay/ Minh trần, da sạm, lẳng mồm hôi/ Rào rào mưa đổ trong khuya vắng/ Từng loạt vàng rơi mặt đất đầy/ Có tiếng chày ba nhịp ánh trắng/ Tiếng hò từng lúc gió đưa sang/ Trai làng thắm tương ba cô gái/ Má thắm môi duyên đẹp dịu dàng..."* (Đêm trăng thôn quê, Lâm Huyền Lan).

Thiên nhiên trong Thơ mới Nam Bộ nhiều khi còn hòa quyện với nhiều trạng thái tâm tình như tình gia đình, tình đôi lứa, các trạng thái tình cảm...

Sông chiều nước lớn tràn bờ/ Cỏ đỏ đưa đám học trò sang sông/ Mỗi chiều má mỗi thêm hồng/

Mỗi chiều cô lại mơ chồng vẫn nhân...

(Chiều, Huỳnh Văn Nghệ)

Đôi khi, thiên nhiên Nam Bộ lại gần bó, hòa nhập vào khát vọng tình yêu đôi lứa của con người thật tinh tế mà hồn nhiên:

Lúa đang bông, lúa trông mùa hái/ Em là gái, em đợi mùa thương

(*Em và cây lúa*, Mộng Hồn Quyên)

Lấy thiên nhiên làm đối tượng trữ tình, Thơ mới chia sẻ cảm xúc hoặc làm nơi trú ẩn tâm hồn con người. Từ đó, phạm vi tồn tại của cảm xúc con người với thế giới khách quan được mở rộng tới đa với những sắc màu tình cảm khác nhau: "Mưa đưa thương nhớ về làng/ Mưa làm xa những đêm đàng bên sông/ Chiều nay mở cửa ra trông/ Thấy làng đâu? Chỉ thấy lòng mà thôi..." (*Làng tôi tôi nhớ*, Yên Lan).

Dù đề tài không thực sự mới, nhưng cảm hứng thiên nhiên, phong cảnh, không gian khi đi vào Thơ mới Nam Bộ lại in đậm dấu ấn bản sắc của địa văn hóa của vùng đất phương Nam. Cảnh sắc thiên nhiên Nam Bộ trở nên mới mẻ hơn nhiều so với cách khắc họa thiên nhiên thường gặp trong thơ ca cổ điển. Phải chăng nền tảng địa văn hóa đã làm nên thành tựu đáng kể này của Thơ mới Nam Bộ.

2.4. Việc nghiên cứu văn học dưới góc nhìn văn hóa cũng cần phải chú ý đến các quan niệm nghệ thuật của vùng miền, nghiên cứu ngôn ngữ vùng miền được sử dụng làm chất liệu nghệ thuật cho tác phẩm văn chương. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi chỉ hướng đến một vài bình diện cơ bản của Thơ mới Nam Bộ.

Trong quá trình sáng tạo, các nhà Thơ mới Nam Bộ luôn đề cao ý thức về văn điệu và ngôn ngữ mà họ gọi là "theo lối mới" nhằm truyền tải tâm tư tình cảm của con người phương Nam. Đơn cử như bài *Ở Mỹ Tho*, trên tờ *Cửu Long giang* cảm tác đăng trên báo *Phụ Nữ Tân Văn* 1932:

Cửu Long kia! / Tăm rờng đầu nĩa! / Một là Nam Vang, / Long Xuyên, / Cần Thơ, / Mỹ Tho, / Sa Đéc.

Sống nổi cuộn cuộn, / bờ bên mặt mủ, / rộng thây! / Thôn thương tiện, / ruộng vườn phi nhiêu / nhớ

Đâu từ mũi Bắc, / chơn tận biển Nam, / dài thay! / sông ấy hết.

Vạn Tượng, / Luang Prabang, / Xa quang na / Lấy đất nước phương Bắc / mà bồi bổ miền

khét. *Nam.*

Thực chất, đây là một bài thơ xếp vào dạng thơ nghiệm của tác giả Nam Bộ gieo vần theo lối thơ Tây. Kết cấu câu thơ có độ dài khác thường, câu thơ dài ngắn không đều nhau gọi cho người đọc liên tưởng đến những câu thơ rất dài của Alfred de Musset trong *Chim thơ đêm*, và các bài thơ *Hồ*, *Hiu quạnh* rất nổi tiếng của Lamartine. Ở bài thơ này, dù hình thức của câu thơ đậm chất Tây, cho thấy khát vọng cách tân chảy bóng của người làm thơ vùng đất mới nhưng vẫn không thể nào dây lù được giọng điệu và hệ thống hình ảnh thơ mang đậm dấu ấn địa văn hóa.

Theo độ lù của thời gian và sự phát triển mạnh mẽ của phong trào sáng tác thơ ca theo lối mới bằng chữ quốc ngữ, những cây bút thơ Nam Bộ ngày càng say mê sáng tạo các thể thơ 4 chữ, 5 chữ, 7 chữ, 8 chữ hết sức tự do, phóng khoáng về số câu, số chữ và văn điệu, tạo nên sự bùng nổ của một phong trào sáng tác thơ tự do. Điều đặc biệt là, dấu có cách tân đến mấy thì hệ thống ngôn ngữ và chất giọng địa phương vẫn không hề giảm đi mà còn có dấu hiệu gia tăng, nhất là trong các sáng tác của Mạnh Mạnh, Hồ Văn Hào, Huỳnh Văn Nghệ... Chúng ta dễ dàng nhận thấy đặc điểm này qua một số bài thơ *Con nhà thất nghiệp*, *Tình thâm*, *Thi nhân với cuộc đời*... của Hồ Văn Hào, *Sa đà*, *Là rừng* của Mạnh Mạnh; *Nữ sĩ Mạnh Mạnh* đã dùng thể thơ tự do với những câu thơ dài nhằm thể hiện khả năng lớn lao và đầy hứa hẹn của một nền thơ được xây dựng trên nền tảng của những giá trị chắc chắn, bền vững và có khả năng sinh sôi thêm những giá trị mới như trong bài *Bức thơ gửi cho tất cả ai ưa hay là ghét lối Thơ mới*:

Đất trước để yên, đất sau lo xoi
Đất mới thì ít khổ khan hơn đất dựng rồi

Rủ nhau khai phá, cắt thêm sà mìn
Nếu thật tình trồng cây thơm trở nhánh đâm
chối...

Ngôn ngữ bình dân, đại chúng như một chỉ dấu đặc trưng của Thơ mới Nam Bộ. Tuy nhiên, con người Nam Bộ luôn khao khát truyền tải cảm hứng mới, vì vậy phương thức nghệ thuật cũng như chất liệu của

ngôn từ cần phải được lựa chọn kĩ càng hơn để giảm phần thô ráp, vươn tới sự tinh tế, sắc sảo mang tính đặc thù của thi ca. Trước thực tế này, hệ thống ngôn ngữ đời thường trong Thơ mới Nam Bộ đã được người nghệ sĩ ngôn từ gọt giũa, nâng cấp thành thứ ngôn ngữ nghệ thuật - nghệ thuật mà văn bình dị đời thường. Trong bài thơ *Tự tình với trăng*, Hồ Văn Hào đã sáng tạo nên những vần thơ chớ nặng đặc điểm này: *Dang ngồi mơ lãng./ Chuông chùa ai vắng vắng ở bên sông./ Tinh giác nồng./ Ra chiều ngơ ngẩn./ Bước chân lên đường./ Thấy trăng lừng đờng ngỡ ngỡ theo ta.*

Bên cạnh Hồ Văn Hào, các cây bút thơ Lâm Huyền Lan, Yên Lan, Thủy Rư và nhất là Huỳnh Văn Nghệ đều cất cao giọng bút để phát triển hệ thống ngôn ngữ thơ đậm chất nghệ thuật hơn dựa trên nền tảng, thần thái, tình tự của chất liệu ngôn ngữ *tiếng An Nam rông* - "đặc sản" của vùng đất Nam Bộ. Lâm Huyền Lan có cách nhìn, cách cảm rất đặc biệt đối với cảnh vật phương Nam, thể hiện qua sự mới mẻ của hệ thống hình ảnh về thiên nhiên vừa cụ thể, tươi mới vừa sinh động với các sắc màu tinh cảm mới mẻ, đúng với tinh thần tự do, mở rộng chứ không vút bỏ hẳn giá trị xưa:

*Bên bờ sông vắng gió, giăng mờ
Nguyệt lạnh, tay che nửa mặt hoa*

*Phân nửa sáng soi, phân nửa giầu
Minh trản, gài nòn tâm trăng khuya...*

(*Đêm trăng thôn quê*)

Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, các cây bút Thơ mới ở Nam Bộ luôn tâm niệm *nghệ thuật nằm ngay trong chính những điều đơn giản và tại chỗ*. Vì thế, họ luôn có ý thức cải tiến ngôn ngữ thơ từ hệ thống ngôn ngữ bản địa, biến nguồn di sản *tiếng An Nam rông* thành ngôn ngữ nghệ thuật để diễn đạt trọn vẹn tư tưởng, tình cảm mới của con người. Đây là yếu tố then chốt, tạo nên dấu ấn riêng cho Thơ mới Nam Bộ.

3. Kết luận

Có thể nói, trong quá trình vận động, phát triển của Thơ mới Nam Bộ, những cây bút phương Nam vừa tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của văn học phương Tây, vừa sáng lọc, nâng tầm và vận dụng triệt để yếu tố địa văn hóa để sáng tạo nghệ thuật, hình thành và củng cố vị thế của mình trên thi đàn dân tộc. Trong quá trình sáng tạo ấy, những nhà Thơ mới Nam Bộ không chỉ khẳng định giá trị thơ ca mang đậm dấu ấn vùng đất mới mà còn góp phần không nhỏ để tạo nên lâu đài tráng lệ của Thơ mới dân tộc nói chung. Vì thế, việc ghi nhận sự đóng góp của Thơ mới Nam Bộ vào cuộc cách mạng trong thi ca dân tộc là một việc làm hữu ích.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Vũ Minh Giang (2006), *Lược sử vùng đất Nam Bộ - Việt Nam*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
2. Nguyễn Xuân Kính (2003), *Con người, môi trường văn hóa*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Tấn Long (1996), *Việt Nam thi nhân tiền chiến*, Nxb Văn học, Hà Nội.
4. Nhiều tác giả (2006), *Kỷ yếu hội thảo Văn học quốc ngữ Nam Bộ cuối thế kỉ XIX đến năm 1945*, Khoa Ngữ văn Trường Đại học Xã hội và Nhân văn, Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Hữu Tá, Nguyễn Thành Thi, Đoàn Lê Giang (chủ biên) (2013), *Nhìn lại Thơ mới và văn xuôi Tự lực văn đoàn*, Kỷ yếu hội thảo, Nxb Thanh niên, Thành phố Hồ Chí Minh.
6. Nguyễn Quang Thắng (2003), *Văn học miền Nam (tập 2)*, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
7. Trần Ngọc Thêm (2010), *Tìm về bản sắc văn hoá Việt Nam*, Nxb Tổng hợp, Thành phố Hồ Chí Minh.

The geo-culture imprint in new poetry 1932-1945

Abstract: The new poetry movement of the nation has sprouted and flourished for nearly a hundred years but its value is still undeniable. In order to make a "revolution in poetry", we must mention the precious contribution of the new southern poetry writers as the pioneers. In recent years, researchers have been searching and exploring the values of this genre in terms of content and form of expression. However, the geo-cultural imprint of the southern region of new southern poetry is undiscovered. Inside the shell of somewhat rough and rustic language, readers can feel the beauty of southern people and land there with their own imprints, associated with specific minds and cultures. It could be said that the geo-cultural factors contributed to the value of new southern poetry from 1932 to 1945.

Key words: New southern poetry; geo-cultural; consciousness; loves; romantic.

NGÔN NGỮ CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở VIỆT NAM

ĐẶC ĐIỂM CẤU TRÚC SO SÁNH TRONG LUẬT TỤC ÊĐÊ

PHẠM THỊ XUÂN NGÀ*

TÓM TẮT: Luật tục Êđê thể hiện là một công cụ của một thiết chế xã hội. Những quy định cụ thể về hành vi cũng như cơ chế xử phạt đã góp phần giáo dục nhận thức và điều chỉnh hành vi của các thành viên trong cộng đồng. Ở bài viết này, chúng tôi khảo sát tần số xuất hiện và cách sử dụng của cấu trúc so sánh trong bộ luật tục của người Êđê. Qua đó, phần nào nhận diện được cách tư duy văn hóa của người Êđê trong xã hội truyền thống.

TỪ KHÓA: luật tục; luật tục Êđê; so sánh; cấu trúc so sánh; đặc điểm cấu trúc so sánh

NHẬN BÀI: 4/4/2020. **BIÊN TẬP-CHỈNH SỬA-DUYỆT ĐĂNG:** 23/6/2020

1. Đặt vấn đề

Luật tục (thường được gọi là *Tập quán pháp*) là kho tàng tri thức dân gian được tích lũy từ thực tế đời sống, là tri thức của dân tộc về tự quản và quản lý cộng đồng. Luật tục Ê-đê là sản phẩm của xã hội cổ truyền - xã hội tổ chức trên cơ sở gia đình mẫu hệ, phát triển ở thời kì tiền giai cấp, tiền quốc gia, một xã hội còn mang tính khép kín. Luật tục Ê-đê do chính cộng đồng tộc người này sáng tạo ra, mang giá trị cao về nội dung lẫn hình thức thể hiện và đã được L.Sabatier sưu tầm, sắp xếp thành 236 điều với 11 chương.

Theo Từ điển tiếng Việt (2000), *so sánh là nhìn vào cái này mà xem xét cái kia để thấy sự giống nhau, khác nhau hoặc hơn kém*. So sánh là thao tác nhận thức của tư duy. Bản chất của so sánh là sự liên tưởng mối quan hệ giữa cái dùng làm so sánh với cái được đưa ra để so sánh. Cấu trúc so sánh trong luật tục Êđê nằm trong quá trình phát triển chung của ngôn ngữ, tuy quá trình phát triển của ngôn ngữ là một quá trình bị chi phối bởi nhiều yếu tố khác nhau như phong tục tập quán, đặc điểm kinh tế - xã hội, đặc điểm dân cư... và trong một chừng mực nhất định, ngôn ngữ góp phần làm nên dân tộc. Cấu trúc so sánh trong luật tục Êđê vừa mang tính chất chung của so sánh trong ngôn ngữ, vừa thể hiện đặc điểm riêng của luật tục. Kết quả khảo sát, thống kê giúp chúng tôi nhận thấy cấu trúc so sánh xuất hiện khá rõ nét và nổi bật trong số 1.706 câu *klei diei*¹ của văn bản luật tục Êđê.

2. Cấu trúc so sánh trong văn bản luật tục Êđê

Theo Đinh Trọng Lạc (1993), hình thức của so sánh tu từ gồm có 4 yếu tố: *cái so sánh, cơ sở so sánh, từ so sánh và cái được so sánh*. Nhìn một cách khái quát, cấu trúc so sánh trong ngôn ngữ gồm hai vế, có quan hệ với nhau, đó là: *vế cần so sánh và vế chuẩn so sánh*. *Vế cần so sánh* gồm *cái so sánh và cơ sở so sánh*; *vế chuẩn so sánh* là *cái được so sánh*. Hai vế này quan hệ với nhau nhờ *từ so sánh*.

Ví dụ:

Vế cần so sánh

(*Cái so sánh và cơ sở so sánh*)

Miu dah

(Hần găm lên)

Vế chuẩn so sánh

Từ so sánh *Cái được so sánh*

sí

(như)

găm

(sắm)

(1, điều khoản 15)

Khi vận dụng trong ngôn ngữ nghệ thuật, cấu trúc trên có thể thay đổi vị trí giữa các thành tố, giữa các vế hoặc lược bỏ một vài thành tố. Tuy nhiên, *cái được so sánh* thì không thể lược bỏ, vì đó là thành tố chuẩn của sự so sánh.

Qua khảo sát, trong văn bản luật tục Êđê, cấu trúc so sánh gồm có 262 câu *klei diei*, chiếm 15,35% trong tổng số 1.706 câu *klei diei*, gồm các dạng so sánh sau:

Bảng: Các dạng cấu trúc so sánh trong luật tục Êđê

Cấu trúc so sánh	Số câu	Tỉ lệ % so với số câu luật tục Êđê
------------------	--------	------------------------------------

* ThS: Viện Khoa học Xã hội vùng Tây Nguyên. Email: xuanngapham1982@gmail.com

So sánh ngang bằng	117	44,66
So sánh hơn	24	9,16
So sánh kém	32	12,21
So sánh đối lập	63	24,06
So sánh hỗ trợ	26	9,92

2.1. Cấu trúc so sánh ngang bằng

So sánh ngang bằng là so sánh dựa trên mối quan hệ ngang bằng giống nhau giữa *cái so sánh*, *cơ sở so sánh* và *cái được so sánh*. Cấu trúc so sánh ngang bằng xuất hiện phổ biến nhất trong luật tục Êđê, chiếm 44,66% trong tổng số 1.706 câu luật tục. Có lẽ phần lớn do tư duy so sánh của cộng đồng Êđê mang đậm cái nhìn mọi vật trong tư thế ngang bằng: nói về vấn đề, sự việc này nhưng lại liên tưởng đến những hình ảnh, vấn đề tương tự để dễ hình dung, so sánh. So sánh ngang bằng dựa trên mối quan hệ ngang bằng hoặc giống nhau giữa yếu tố được/ bị so sánh và yếu tố so sánh, được biểu hiện bằng từ so sánh: *si* (như). Ví dụ:

Anah 'u nga' si msel' luc he' hla'm dlii, lii' hla'm ea msel' si bha he' ka' muor' hda'm, 'u bi' da'm di'h he' hla'm kra'h e'lan klông, kông kra'h 'u ba ko' sah mdro'ng amao' ayông' tạt. (Thế mà hân làm như đã đánh mất cái nhẫn (vòng bằng đồng) trong rừng, đánh rơi cái nhẫn xuống nước, giống như đã để cho kiến, cho mối tha đi mất, hân như đã ngu quên dọc đường, vì vậy mà cái nhẫn hân đem đến cho người tù trưởng nhà giàu đã đến nơi không kịp) (I, điều khoản 51).

Ở ví dụ trên, đối tượng nêu ra là người phạm tội được thủ lĩnh giao cho chiếc vòng đem đi, vì có việc khẩn cấp mà anh ta lần chần dọc đường. Hành động này được sánh ngang bằng hoặc giống nhau với người có hành động bị đánh rơi cái nhẫn trong rừng và phải lần mò tìm kiếm. Để thực hiện so sánh ngang bằng, người ta sử dụng các từ chỉ qua hệ so sánh: *si* (như), *smel* (giống nhau), *smelsi* (giống như nhau)... Tuy nhiên, trong luật tục, thường người ta lại không cần dùng những từ chỉ quan hệ so sánh này mà vẫn có thể hiểu được nội dung ý nghĩa. Ví dụ:

Nu a'le' yur' kpur' pu, yu' ngo' nu' hiu. (Hân như ngọn tre đung đưa trước gió, hân đi khắp đồng tây) (I, điều khoản 32)

Mặc dù không dùng từ so sánh, người Êđê vẫn hiểu và nhận ra được kiểu so sánh ngang bằng qua cách tư duy của họ trong xử phạt *Nu* (hân) là người phạm tội, hân đi lang thang lêu lổng *kháp đồng tây* được so sánh với hoạt động của *ngọn tre đung đưa trước gió*.

Trong luật tục, sự sáng tạo của con người là không giới hạn. Chẳng hạn khi cần nhấn mạnh đặc điểm của đối tượng được miêu tả, trong những trường hợp cụ thể, người ta có thể đổi vị trí của *cái so sánh* và *cái được so sánh* để làm nổi bật ý muốn nói. Ví dụ:

Asoo' era, bi' kbla'm he' nu' tro'ng, mnu'ih' jho'ng bi' hlah, dah' blu' bi' kmhal' he' nu. (Con chó mà háu ăn thì ném cho một quả cà nóng (giống như) con người mà táo tợn thì lấy lời khuyên bảo nếu không được thì phải trừng trị hân) (I, điều khoản 1)

Ở ví dụ trên, *cái so sánh* (con người) được hoán đổi ra sau *cái được so sánh* (con chó) chứ không theo trật tự thông thường là *cái so sánh*, *cơ sở so sánh*, *từ so sánh* và *cái được so sánh*.

Hoặc ở ví dụ sau đây, khi nói về những kẻ hay sinh sự, gây gổ với người khác, người Êđê lại hoán đổi trật tự của cấu trúc so sánh nhằm nhấn mạnh và làm tăng thêm bản chất của kẻ phạm tội:

Koi' ksua, knga' k'ku'ih, di' nu' mni'e' duah' klei, e'kei' duah' kdi. (Như cái đầu con nhím, cái tai con chuột là những con đàn bà hay sinh chuyện, thẳng đàn ông hay gây sự) (I, điều khoản 115).

Du'it' dui' plur' ari'eng, mni'e' toh' m'ie'ng' plur' e'kei. (Như con cú vọ tìm cách lừa con cua, mụ ta cời tuột váy ra để cám dỗ người đàn ông) (I, điều khoản 153).

2.2. Cấu trúc so sánh hơn

So sánh hơn là kiểu so sánh dựa trên mối quan hệ hơn nhau của *cái so sánh*, *cơ sở so sánh* so với *cái được so sánh*, thường được thể hiện bằng các từ, cụm từ so sánh như: *hi'n*, *é'gao*, *é'beh*, *k'dlun*, *min' nun*, *jih' máo* (hơn, hơn hẳn). Trong luật tục Êđê, cấu trúc so sánh hơn chiếm tỉ lệ thấp nhất, chỉ 24 câu *klei' due*, chiếm 9,16%. Các so sánh hơn trong luật tục thường có nhiều so sánh hơn đi liền nhau để bổ sung ý nghĩa cho nhau. Ví dụ:

Dhông pro ng hlin ti ksei, hēh pro ng hlin ti khua, máo 'u emuh. (Kẻ như lưỡi dao lại muốn dày hơn sông dao, là một trẻ nít lại muốn khôn hơn người lớn, có mẹ có cha mà không hỏi mẹ cha) (I, điều khoản 27).

Khác với cấu trúc so sánh ngang bằng, cấu trúc so sánh hơn không thể hoán đổi vị trí giữa *cái so sánh* và *cái được so sánh*, vì nếu đổi, ý nghĩa sẽ khác. Đặc biệt, so sánh hơn thường không thể vắng từ so sánh.

2.3. Cấu trúc so sánh kém

So sánh kém là kiểu so sánh dựa trên quan hệ kém của *cái so sánh*, *cơ sở so sánh* so với *cái được so sánh* hoặc ngược lại, được thể hiện bằng các từ, cụm từ so sánh như: *hmao dluh, kjham* (thua); *mda, awaV, edu, adok, amáo djáp, aliék(kém)*... Ví dụ:

~*u hēh du bia, era dēn du, jua kru ka hmáo aravng.* (Nó là một đứa bé chân yếu tay mềm, bước thua bước chân của người khác) (I, điều khoản 105).

Cấu trúc so sánh kém trong luật tục Êđê chiếm tỉ lệ không nhiều, chỉ 32 câu *klei due*, chiếm 12,21%. Cũng như cấu trúc so sánh hơn, cấu trúc so sánh kém cũng không thể hoán đổi vị trí cho nhau giữa *cái so sánh* và *cái được so sánh* và từ so sánh cũng không thể vắng mặt ở cấu trúc này.

2.4. Cấu trúc so sánh đối lập

So sánh đối lập là kiểu so sánh dựa trên quan hệ đối lập về ý nghĩa giữa *cái so sánh*, *cơ sở so sánh* và *cái được so sánh* nhằm làm nổi bật đối tượng miêu tả trong câu. Nhìn chung, các so sánh đối lập trong luật tục Êđê thường biểu hiện qua các phạm trù phẩm chất, đạo đức là cơ bản. Sự đối lập này góp phần soi tỏ ý nghĩa lẫn nhau, giúp người nghe tự nhận thức đúng - sai, tốt - xấu mà ý nghĩa luật tục thể hiện. Ví dụ:

Cih braih hroh, boh epang yang hruē, ēkei mnē cih. ~*u emōng soh pah, đruah soh wiēk, mđroṅg soh wiēk, mđroṅg soh aliēk kđi.* (Những chàng trai cô gái trong trắng, trong trắng (như) hạt gạo mới già, sáng (như) đóa hoa epang, như ánh mặt trời. (Còn) hần thi (như) con cộp vỏ trượt môi, (như) con hoàng hải mồm vào chó trổng không, như người nhà giàu thua kiện) (I, điều khoản 17).

Hai câu trong ví dụ trên thể hiện rõ sự đối lập về tính cách của một bên là người "trong trắng" và một bên là kẻ hung bạo. Các kiểu so sánh đối lập này chiếm tỉ lệ khá cao trong luật tục Êđê, với 63 câu *klei due*, chiếm 24,06%. Nhiều câu *klei due* đã cho thấy sự so sánh đối lập, thể hiện rõ cách tư duy của người Êđê về điều xấu - tốt, tuy chỉ mang tính chất trừu tượng. Điều đó cũng ít nhiều góp phần tăng thêm hình ảnh, hình tượng, tạo sự sinh động cho ngôn ngữ luật tục. Ví dụ:

Aravng mlivng mnē bhavng, mlavng mnē ilam, klei edam era bi mnun. *Mu lac hmur leh wavng aravng mka', kgal aravng mkra, amra ana'p aravng bi blu.* (Người ta chỉ là con chim *mlivng* hát vào mùa khô, con chim *mlavng* kêu buổi chiều là những chàng trai, cô gái hát đối đáp nhau. (Thế mà) ông ta nói rằng, ông ta nghe gió thổi ngoài bia rừng, nghe sấm gầm ở bờ rào) (I, điều khoản 67).

2.5. Cấu trúc so sánh hỗ trợ

Cấu trúc so sánh hỗ trợ là kiểu so sánh thể hiện quan hệ hỗ trợ giữa *cái so sánh*, *cơ sở so sánh* với *cái được so sánh*, chủ yếu làm nổi bật thuộc tính nổi trội của một sự vật khác. Trong luật tục Êđê, cấu trúc so sánh hỗ trợ theo thống kê của chúng tôi, chiếm tỉ lệ không nhiều, chỉ 26 câu *klei due*, chiếm 9,92% trong số 1.706 câu luật tục.

Trong ví dụ sau đây, *cái so sánh* là đối tượng ~*u* (nó, hần) và *cơ sở so sánh* là *huil* (sợ), trong khi đó, *cái được so sánh* gồm hai đối tượng có tính chất gần giống nhau, có quan hệ hỗ trợ cho nhau: con cộp sợ người ta biết rõ hang hốc của nó ở đâu và con hươu, con heo rừng sợ người ta biết đâu là ổ của chúng:

~*u huil em óng aravng fuh ai, poi fuh bu'i, hlo muat rang huil aravng fuh anih.* (Hần (thấy sợ như) con cộp sợ người ta biết rõ hang hốc của nó ở đâu, (như) con hươu, con heo rừng sợ người ta biết đâu là ổ của chúng) (I, điều khoản 136).

3. Một vài nhận xét về cấu trúc so sánh trong luật tục Êđê

Theo thống kê, *Luật tục Êđê* có 262 trường hợp so sánh khác nhau. Các câu so sánh trong luật tục Êđê cũng có cấu trúc 4 thành tố (*cái so sánh*, *cơ sở so sánh*, *từ so sánh* và *cái được so sánh*) và có

mối quan hệ giống như các thành tố của một cấu trúc so sánh trong ngôn ngữ nói chung, tuy nhiên, nó cũng có các đặc điểm phổ biến sau:

Thứ nhất, so sánh trong luật tục Êđê thường hoán vị *cái so sánh* và *cơ sở so sánh*, tức là hoán vị giữa các vế trong cấu trúc và khi đó *từ được so sánh* thường vắng mặt. Ví dụ:

Aseh knob u hlong lui tha, kbae ana lui ing, anak u jing khong, u hlong lui hi, khi lui tha.
(Ngựa đực nó thả rông, trâu cái thả rông, (giống như) con cái nó sinh hư thân mất nết, nó bỏ đi lang thang) (I, điều khoản 173).

Thứ hai, cấu trúc so sánh trong luật tục Êđê thường không hiện diện đầy đủ các thành tố, trong đó *từ so sánh* ít xuất hiện, tuy nhiên, người ta vẫn hiểu được quan hệ so sánh và nội dung ý nghĩa câu văn là nhờ vào ngữ cảnh, văn hóa và tâm lý dân tộc. Ví dụ:

- Trường hợp vắng *từ so sánh*:

Djuê amáo khat, hat amáo kmar (Họ hàng không sinh sôi (giống như) cây thuốc lá không đâm chồi) (I, điều khoản 73).

- Trường hợp vắng *cơ sở so sánh* và *từ so sánh*:

-u emông soh pah (Hắn (hành động) (như) con cạp vỏ trượt môi) (I, điều khoản 17).

Thứ ba, *cái được so sánh* dù hoán vị hay không hoán vị với *cái so sánh* trong cấu trúc so sánh thì ít khi nêu ra một đối tượng mà thường nêu ra nhiều đối tượng có quan hệ giống nhau hoặc gần giống nhau, hỗ trợ với nhau cùng làm chuẩn so sánh và làm cho cấu trúc so sánh tăng hiệu quả biểu đạt. Ví dụ:

- Trường hợp *cái được so sánh* đứng trước *cái so sánh*:

-u dah si gra'm, êlâm si emông (Hắn găm lên như sấm, chồm lên như cạp) (I, điều khoản 15).

- Trường hợp *cái được so sánh* đứng sau *cái so sánh*:

Awak u mda'p, asa'p u hga'm, u bi kngam mnuh (Cái tbia ông ta giầu, cái miệng ông ta đã ngậm, (giống như) ông ta đã im đi một số người) (I, điều khoản 57).

Ba đặc điểm trên thể hiện sự năng động, sáng tạo của người Êđê trong quá trình diễn đạt bằng phương thức so sánh trong văn bản luật tục. Cách thức tổ chức, sắp xếp, hoán vị hoặc lược bớt một vài thành tố trong cấu trúc so sánh cũng như tăng các đối tượng nêu ra ở các thành tố của cấu trúc so sánh cũng được xem như một thủ pháp nghệ thuật của người Êđê mà họ đã chú ý trong quá trình sử dụng phương thức so sánh trong luật tục. Kết quả của những so sánh có kết cấu khác lạ này thường làm cho chức năng biểu đạt câu văn đạt hiệu quả cao và người nghe cảm nhận nó theo hướng cảm nhận ngôn ngữ của một tác phẩm văn học.

So sánh trong luật tục Êđê thường kèm theo thái độ ca ngợi hoặc thái độ lên án. Nếu so sánh mà yếu tố đưa ra so sánh biểu thị quan hệ với *cái được so sánh* mang ý nghĩa tích cực thì có giá trị biểu cảm dương tính hoặc trung tính. Chẳng hạn: *Cih braih hroh, boh epang yang hruê, êkei mniê cih* (Trắng như hạt gạo mới giã, sáng như đóa hoa épang, như ánh mặt trời (giống như) những chàng trai cô gái trong trắng). Tuy nhiên, nội dung chủ yếu của luật tục Êđê là trình bày các hành vi vi phạm luật tục và thường kèm theo thái độ lên án đối với người vi phạm luật tục nên biểu hiện so sánh trong luật tục cũng thường mang giá trị biểu cảm âm tính và chiếm số lượng lớn. Ví dụ: *-u emông soh pah, drah soh wiêk, mdro'ng soh wiêk, mdro'ng soh aliêk kdi* (Hắn (như) con cạp vỏ trượt môi, như con hoẵng hát mồm vào chỗ trống không, như người nhà giàu thua kiện) (I, điều khoản 17).

Những trường hợp so sánh mà không mang lại biểu cảm dương tính hay âm tính là kiểu so sánh có giá trị biểu cảm trung tính. Ví dụ, so sánh vợ chồng hợp đôi như sau: *Bi lih mia' hel kriet kpung* (Hai người như cánh nỏ gắn với thân nỏ) (I, điều khoản 128).

Đối tượng so sánh trong luật tục Êđê thường là con người, nhưng cũng có thể là sự vật, sự việc dùng để so sánh với các đối tượng khác:

- So sánh người với vật:

Anak mniê mse' si mdiê mjah (Con gái giống như hạt giống cây lúa) (I, điều khoản 229).

- So sánh người với hành động của con vật:

-u dah si gra'm, êlâm si emông (Hắn găm lên như sấm, chồm lên như cạp) (I, điều khoản 15).

- So sánh người với người:

Rung si Y Tria, ara: si Y Run (Hắn lang thang như thằng Y Tria, hắn háu ăn như thằng Y Run) (I, điều khoản 112).

- So sánh sự việc này với sự việc khác:

Tloh aseh kbaos ara'ing, kua'e ti kru: ung đ... hui, mui tui duah (Ngựa trâu xông thì người ta lần theo vết (giống như) chồng bỏ thì ắt vợ theo tìm) (I, điều khoản 130).

- So sánh sự vật, sự việc với con người:

Kmu'w pô pla, k'war pô pla, am' am' pô m'ing (Cỏ đưa cỏ bắp là cỏ người trồng (như) cỏ con có cái là do cha mẹ sinh ra) (I, điều khoản 143).

Như vậy, sự sáng tạo trong ngôn ngữ của luật tục Êđê là việc tìm thấy các sự việc, hành động diễn ra trong cuộc sống đơn giản, dễ hiểu để so sánh tương đồng với nội dung ý nghĩa khái quát của luật tục. Điều này có tác dụng làm cho bất kỳ nội dung ý nghĩa nào của luật tục cho dù có trừu tượng, khái quát đến đâu cũng đều được trình bày, giải thích rõ ràng, người nghe cũng có thể hiểu được mà không cần dùng lí lẽ để giải thích. Vì vậy mà luật tục Êđê đã đi vào đời sống, tâm thức con người một cách nhẹ nhàng, sâu sắc.

4. Kết luận

Cấu trúc so sánh là một hình thức kết cấu quan trọng và tiêu biểu và mang tính tất yếu trong luật tục Êđê. Dựa vào nội dung biểu đạt, chúng tôi nhận thấy so sánh trong luật tục Êđê nhằm mục đích giải thích, miêu tả, đánh giá và bộc lộ cảm xúc. Qua kết cấu so sánh, tác giả luật tục đã phác họa bức tranh sinh động về văn hóa xã hội cổ truyền của người Êđê, về canh vất, con người trong trạng thái động với thái độ trân trọng, với một ước mơ, khát vọng về một xã hội tươi đẹp và công bằng.

¹ Trong tiếng Ê-đê, *klei* có nghĩa là lời nói, *duê* có nghĩa là nói kết; *klei duê* có nghĩa là lời nói có sự nối kết với nhau bằng các âm tiết cùng vần hoặc bằng từ có các âm tiết tương đồng; *klei duê* có nghĩa tương đồng với cụm từ "lời nói vần" trong tiếng Việt

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Phê (2000). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng, tr.86.
2. Đỗ Hữu Châu (2001). *Đại cương ngôn ngữ học: Ngữ dụng học*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Theo Đinh Trọng Lạc (chủ biên), Nguyễn Thái Hòa, (1993). *Phương cách học tiếng Việt*, Nxb Giáo dục.
4. Hoàng Phê (2000). *Từ điển tiếng Việt*. Nxb Đà Nẵng.
5. Đoàn Văn Phúc (1998). *Từ vựng các phương ngữ Êđê*, Nxb Tp. Hồ Chí Minh, Hồ Chí Minh.
6. Viện Ngôn ngữ học - Sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk (2004). *Từ điển Việt-Êđê*, Nxb Giáo dục, Đắk Lắk.

NGŨ LIỆU

Ngô Đức Thịnh, Chu Thái Sơn, Nguyễn Hữu Thủy (2001). *Luật tục Êđê* (Tập quản pháp), Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.

Comparative structural characteristics in Ede customary law

Abstract: Ede's customary law appears to be an instrument of a social institution. Specific rules of behavior as well as sanctions mechanisms have contributed to raise awareness and adjust the behavior of community members. In this article, we examine the frequency of occurrence and usage of the comparative structure in the Ede customary law. Thereby, somewhat recognizing the way Ede people's thinking about culture in traditional society.

Key words: customary law; Ede customary law, comparison; comparative structure; comparative structural characteristics